

Số: 661 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,  
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ  
hoặc một phần năm 2017

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số  
10/TTr-STP ngày 31/01/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm  
pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh hết hiệu  
lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2017.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ  
trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị  
xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./x

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lãnh đạo và CVNCTH;
- Lưu: VP, NC.

10 bản, QĐ12

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Long**

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2017

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số 10/TTr-STP ngày 31/01/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2017.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
  - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
  - CT, các PCT UBND tỉnh;
  - Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
  - Như điều 3 (để thực hiện);
  - Lãnh đạo và CVNCTH;
  - Lưu: VP, NC.
- 10 bản, QĐ12

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Long**

**DANH MỤC**  
**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LẬP CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**  
**HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC MỘT PHẦN NĂM 2017**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 661 /QĐ-UBND ngày 05 /3/2018 của Chủ tịch UBND Tỉnh)*



**PHẦN I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LẬP HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ CỦA HĐND, UBND TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2017 (MẪU SỐ 03)**

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2017**

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
<b>LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>					
1.	Quyết định	2115/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	Ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 1372/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017	03/5/2017
<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>					
2.	Quyết định	594/2012/QĐ-UBND ngày 15/3/2012	Ban hành Quy định quản lý nhà nước về lĩnh vực khí tượng thủy văn và hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	31/8/2017
3.	Quyết định	1766/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014	Ban hành Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo Luật Đất đai 2013 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017	15/6/2017
4.	Quyết định	1738/QĐ-UBND ngày 11/07/2013	Về việc thu tiền sử dụng đất đối với các thửa đất xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	Thay thế bằng Quyết định số 514/2017/QĐ-UBND ngày 20/2/2017	01/3/2017

**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

5.	Quyết định	2216/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014	V/v quy định mức hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017	25/5/2017
6.	Nghị quyết	*164/2014/NQ-HDND ngày 18/11/2014	V/v ban hành Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hoá nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2014-2016	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	01/01/2017
7.	Quyết định	84/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016	V/v bổ sung một số điều của Quy định chính sách khuyến khích phát triển hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2014 - 2016 ban hành kèm theo Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh Q. Ninh	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	01/01/2017
8.	Nghị quyết	11/2016/NQ-HDND ngày 27/7/2016	Về việc ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2017	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	01/01/2018

**LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG**

9.	Quyết định	558/QĐ-UBND ngày 18/3/2014	Quy định về trình tự, thủ tục và nguyên tắc lựa chọn thí điểm doanh nghiệp thực hiện tái xuất hàng hóa qua các khâu phụ, điểm thông quan trong các Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017	16/11/2017
----	------------	----------------------------	---	---	------------

**LĨNH VỰC NỘI VỤ**

10.	Quyết định	1465/2010/QĐ-UBND ngày 19/5/2010	Ban hành Quy định về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 233/2017/QĐ-UBND ngày 18/01/2017	01/02/2017
11	Quyết định	2233/2015/QĐ-UBND ngày 04/8/2015	Về việc Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 1519/2017/QĐ-UBND ngày 10/5/2017	22/5/2017
12	Quyết định	858/2014/QĐ-UBND	Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn	Thay thế bằng Quyết định số 388/2017/QĐ-	01/3/2017

		ngày 06/5/2014	vị sự nghiệp và cán bộ quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh	UBND ngày 08/02/2017	
13	Quyết định	616/2014/QĐ-UBND ngày 28/3/2014	Sửa đổi một số điều của Quy chế khen thưởng phong trào thi đua "Doanh nghiệp giỏi, Doanh nhân tiêu biểu", "Cơ quan, đơn vị văn hóa" ban hành kèm theo Quyết định số 2999/2012/QĐ-UBND ngày 15/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Thay thế bằng Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 24/3/2017	24/3/2017
14	Quyết định	2999/2012/QĐ-UBND ngày 15/11/2012	Ban hành Quy chế khen thưởng phong trào thi đua "Doanh nghiệp giỏi, doanh nhân tiêu biểu", "Cơ quan, đơn vị văn hóa" của tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 24/3/2017	24/3/2017
<b>LĨNH VỰC XÂY DỰNG</b>					
15	Quyết định	3372/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	Quy định mức thu bảng tiền lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 4276/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016	01/01/2017
16	Quyết định	3600/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012	Ban hành bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh	Thay thế bằng Quyết định số 5000/QĐ-UBND ngày 25/12/2017	01/01/2018
17	Quyết định	3482/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012	Công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình	Thay thế bằng Quyết định số 4999/QĐ-UBND ngày 25/12/2017	01/01/2018
<b>LĨNH VỰC Y TẾ</b>					
18	Nghị quyết	57/2012/NQ-HĐND ngày 11/7/2012	Quy định mức giá một số dịch vụ khám, chữa bệnh trong các cơ sở khám, chữa bệnh công lập do địa phương quản lý	Thay thế bằng Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017	01/10/2017

**LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**

19	Nghị quyết HDND 11/12/2009	20/2009/NQ- HDND 11/12/2009	ngày	Quy định mức hỗ trợ kinh phí chi trả tiền công và các khoản đóng góp chế độ theo tiền công cho giáo viên hợp đồng lao động đạt chuẩn đào tạo trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 94/2017/NQ-HDND ngày 13/12/2017	01/01/2018
----	----------------------------------	-----------------------------------	------	--	---	------------

**LĨNH VỰC THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG**

20	Quyết định UBND 12/3/2015	666/2015/QĐ- UBND 12/3/2015	ngày	Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017	15/8/2017
----	---------------------------------	-----------------------------------	------	--	--	-----------

**LĨNH VỰC VĂN HÓA – THỂ THAO**

21	Quyết định UBND 25/9/2014	số 2096/2014/QĐ- UBND ngày 25/9/2014		Quy định thu phí Thu viện tỉnh và phí tham quan Bảo tàng tỉnh	Thay thế bằng Quyết định số 4278/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016	01/01/2017
22	Quyết định UBND 31/12/2014	3370/2014/ QĐ- UBND ngày 31/12/2014		quy định thu phí tham quan một số danh lam di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 4278/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016	01/01/2017

**LĨNH VỰC HẢI QUAN**

23	Quyết định UBND 10/02/2015	420/2015/QĐ- UBND ngày 10/02/2015		Ban hành Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh	Thay thế bằng Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 24/08/2017	06/9/2017
----	----------------------------------	--	--	---	---	-----------

**LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**

24	Nghị quyết HDND 12/12/2012	Số 71/2012/NQ- HDND ngày 12/12/2012		Về việc quy định mức vận động đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 101/NQ-HDND ngày 13/12/2017	01/01/2018
----	----------------------------------	--	--	--	---	------------

25	Nghị quyết	Số 42/2016/NQ- HDND ngày 07/12/2016	Về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật phí và lệ phí	Thay thế bằng Nghị quyết số 62/2017/NQ- HDND ngày 07/7/2017	01/8/2017
26	Nghị quyết	Số 149/2014/NQ- HDND ngày 31/5/2014	Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Thay thế bằng Nghị quyết số 61/2017/NQ- HDND ngày 07/7/2017	01/8/2017
27	Nghị quyết	Số 14/2016/NQ- HDND ngày 27/7/2016	Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Thay thế bằng Nghị quyết số 61/2017/NQ- HDND ngày 07/7/2017	01/8/2017
28	Quyết định	3290/2014/QĐ- UBND ngày 30/12/2014	Về việc quy định thu phí qua phà, phí qua đò tại bến Rừng và bến Đông Triều trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 354/2017/QĐ- UBND ngày 25/01/2017	10/02/2017
29	Quyết định	3376/2014/QĐ- UBND ngày 31/12/2014	Quy định thu phí chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Thay thế bằng Quyết định số 458/2017/QĐ- UBND ngày 16/02/2017	01/3/2017
30	Quyết định	3375/2014/QĐ- UBND ngày 31/12/2014	quy định thu Phí vệ sinh tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 2625/2017/QĐ- UBND ngày 06/7/2017	15/7/2017
31	Quyết định	1470/2014/QĐ- UBND ngày 08/7/2014	V/v điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Quyết định số 07/2017/QĐ- UBND ngày 25/08/2017	05/9/2017
32	Nghị quyết	61/2012/NQ- HDND ngày 11/7/2012	Về việc quy định mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý	Thay thế bởi Nghị quyết số 68/2017/NQ- HDND ngày 07/7/2017	01/8/2017
33	Quyết định	2169/2012/QĐ- UBND ngày 27/8/2012	Về việc quy định mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý	Nghị quyết số 61/2012/NQ- HDND hết hiệu lực nên Quyết định số 2169/2012/QĐ- UBND (là văn bản quy	01/8/2017

34	Nghị quyết	177/2016/NQ- HĐND ngày 06/8/2010	Quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý	Thay thế bởi Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017	định chi tiết thi hành Nghị quyết (HĐND) 61/2012/NQ- HĐND) đồng thời hết hiệu lực			01/8/2017
35	Quyết định	2716/2010/QĐ- UBND ngày 09/9/2010	Về việc quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý	Bãi bỏ bằng Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 25/08/2017				05/9/2017
36	Quyết định	4275/2016/QĐ- UBND ngày 21/12/2016	Về việc quy định thu phí thuộc lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 25/08/2017				05/9/2017
37	Quyết định	4276/2016/QĐ- UBND ngày 21/12/2016	Về việc quy định thu các khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực Công nghiệp, thương mại, đầu tư, xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 25/08/2017				05/9/2017
38	Quyết định	4277/2016/QĐ- UBND ngày 21/12/2016	Về việc quy định thu phí thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 25/08/2017				05/9/2017
39	Quyết định	4278/2016/QĐ- UBND ngày 21/12/2016	Về việc quy định thu các khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 25/08/2017				05/9/2017
40	Quyết định	4279/2016/QĐ- UBND ngày 21/12/2016	Về việc quy định thu các khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực Tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 25/08/2017				05/9/2017
41	Quyết định	4280/2016/QĐ- UBND ngày	Về việc quy định thu các khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 25/08/2017				05/9/2017



		21/12/2016		UBND	ngày	
42	Quyết định	4281/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016	Về việc quy định thu lệ phí thuộc lĩnh vực Công an trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng	Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND	ngày 05/9/2017
43	Quyết định	4282/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016	Về việc quy định thu lệ phí thuộc lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng	Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND	ngày 05/9/2017
44	Quyết định	4294/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016	Về việc quy định thu lệ phí trước bạ đăng ký lần đầu đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng	Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND	ngày 05/9/2017

**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

45	Quyết định	1899/2015/QĐ-UBND ngày 06/7/2015	Quy định mức trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, mức chi thù lao cho người trực tiếp chi trả chế độ và mức chi cho công tác quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Thay thế bằng	Quyết định số 236/2017/QĐ-UBND	ngày 31/01/2017
----	------------	----------------------------------	--	---------------	--------------------------------	-----------------

**II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ**

Không có

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2017**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					

**LĨNH VỰC VĂN HÓA – THỂ THAO**



1.	Quyết định 2976/2015/QĐ-UBND ngày 07/10/2015	Kịch bản cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ninh	Bãi bỏ bằng Quyết định số 1271/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016	01/5/2016
<b>LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG</b>				
2.	Quyết định 3466/2015/QĐ-UBND ngày 03/11/2015	Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Thay thế bằng Quyết định số 2152/2016/QĐ-UBND ngày 12/7/2016	22/7/2016

**II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ**

Không có

**PHẦN II. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN CỦA HĐND, UBND TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2017 (MẪU SỐ 04)**

**A VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2017**



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu: Ngày, tháng, năm ban hành văn bản, Tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
-----	------------------	--	---	------------------------------------	-----------------------------------

**I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN**

**LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**

1	Nghị quyết	Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 27/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng làm việc ở các trung tâm hành chính công, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các cơ quan, đơn vị, địa phương các cấp.	Mục 2.3 Khoản 2 Điều 1: 2.3. Hỗ trợ kinh phí may đồng phục với định mức 02 bộ quần áo xuân hè, 01 bộ quần áo thu đông/người/năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng có thời gian làm việc thường xuyên, liên tục tại Trung tâm Hành chính công các cấp từ 12 tháng trở lên (trừ cán bộ mặc trang phục riêng theo ngành). Mức hỗ trợ: - Quần áo xuân hè: 800.000 đồng/bộ - Quần áo thu đông: 2.000.000 đồng/bộ. Riêng hỗ trợ trang phục cho cán bộ tiếp nhận và trả kết quả ở cấp xã: Giao Ủy ban nhân dân các địa phương cấp huyện căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương đề quyết định theo thẩm quyền.	Sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 69/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017	01/8/2017
---	------------	---	---	--	-----------

**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**



2	<p style="text-align: center;"><b>Quyết định</b></p> <p>4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh</p>	<p>- Khoản 2 Điều 4:</p> <p>2. Mức hỗ trợ lãi suất:</p> <p>a) Mức hỗ trợ lãi suất là 6%/năm/số dư nợ thực tế. Mức hỗ trợ lãi suất được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế do Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định.</p> <p>b) Mức lãi suất đề tính hỗ trợ là lãi suất cho vay thương mại thấp nhất của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Quảng Ninh công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, áp dụng cho các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn trong cùng thời kỳ tại thời điểm chi trả tiền lãi suất hỗ trợ.</p> <p>- Điểm 1.2, Khoản 1 Điều 6:</p> <p>1.2. Trong thời hạn 2 tháng, kể từ khi phát sinh dư nợ thuộc phạm vi được hưởng chính sách, người vay vốn phải làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 2, điều này, gửi UBND cấp Xã nơi có dự án triển khai.</p> <p>- Điểm 2.2, Khoản 2 Điều 6:</p> <p>2.2. Bản sao có chứng thực Hợp đồng tín dụng đã ký với tổ chức tín dụng cho vay; Bản sao Kế hoạch hoặc phương án sản xuất kinh doanh</p> <p>- Khoản 1 Điều 7:</p> <p>1. Người vay vốn mang theo bản sao có chứng thực chứng từ thu nộp gốc, lãi của</p>	<p>Sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 102/2017/QĐ-UBND Ngày 10/01/2017</p>	18/01/2017
---	--	---	---	------------



			<p>các tổ chức tín dụng cho vay; CMND của người vay hoặc người đại diện hợp pháp đến UBND cấp Xã nhận tiền hỗ trợ.</p> <p>- Khoản 2 Điều 9:</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc cho vay của các tổ chức tín dụng; Chỉ đạo Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Quảng Ninh công bố công khai lãi suất cho vay làm cơ sở xác định mức lãi suất hỗ trợ; Hàng quý báo cáo quả và đánh giá tình hình cho vay nông nghiệp nông thôn và Ban Xây dựng nông thôn mới để tổng hợp chung.</p> <p>- Khoản 4 Điều 9:</p> <p>4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn tiêu chí xác định các phương án Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung theo quy định; Giới thiệu các mô hình sản xuất có hiệu quả, hướng dẫn các địa phương tổ chức sản xuất, xây dựng phương án sản xuất có hiệu quả và hỗ trợ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp.</p>		
<b>LĨNH VỰC HẢI QUAN</b>					
3	Quyết định	Quyết định số 4056/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 về việc Ban hành quy định tổ chức, hoạt động của trạm kiểm soát liên hợp KM15 – Bến tàu Dân Tiến	Điều 17. Quy trình kiểm tra, thu thuế đối với hàng hóa vận chuyển từ thành phố Móng Cái qua Trạm Kiểm soát liên hợp Km15 - Bến tàu Dân Tiến vào thị trường nội địa.	Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017	16/11/2017

**LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**



		<p>142/2016/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Điều 1: Vị trí và chức năng</p> <p>1. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây viết tắt là Chi cục) là tổ chức trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước và quản lý các dịch vụ công về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có tư cách pháp nhân, có con dấu và có tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.</p>	<p>Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/08/2017</p>	15/8/2017
<b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>					
5	Nghị quyết	222/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 về việc ban hành chính sách hỗ trợ một số đối tượng trẻ em chưa thuộc diện hưởng chính sách hiện hành của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016 - 2020	<p>- Khoản 2 Điều 1: Trường hợp Nhà nước ban hành chính sách hỗ trợ có cùng nội dung quy định tại Nghị quyết này thì đối tượng chỉ được hưởng hỗ trợ theo mức hỗ trợ cao nhất.</p> <p>- Điểm 3.2 khoản 3 Điều 1: 3.2. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, không có nguồn nuôi</p>	Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017	01/01/2018



đương (người còn lại: Đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng tại cộng đồng; bị mất tích từ 24 tháng trở lên nhưng chưa có quyết định công nhận mất tích của Tòa án, có xác nhận của Hội đồng xét duyệt bảo trợ xã hội cấp xã và thẩm định của Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội nơi trẻ thường trú; thuộc hộ nghèo; thuộc hộ cận nghèo)

- Điểm 3.4 khoản 3 Điều 1: trẻ em thuộc gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của Nhà nước

#### LĨNH VỰC NỘI VỤ

6	Nghị quyết 178/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 về chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại trường Đại học Hà Long giai đoạn 2015-2017	<p>- Điều 4: Thời gian thực hiện chính sách: Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2017.</p> <p>- Điểm a khoản 1 Điều 2: a) Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc.</p> <p>- Điểm d khoản 1 Điều 2: d) Khoa học môi trường; Kiểm soát và bảo vệ môi trường.</p> <p>- Khoản 2 Điều 2: Chi tiêu thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại trường Đại học Hà Long là 15 tiền tỷ và 27 thực sĩ đào tạo tại nước ngoài, đảm bảo mục tiêu mở được các mã ngành đào tạo nêu tại khoản 1 Điều này, cụ thể:</p> <p>a) Ngôn ngữ Anh (Tiền số: 2); Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiền số: 1; Thực số: 3); Ngôn</p>	Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 93/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017	01/01/2018



ngữ Nhật (Tiến sĩ: 1; Thạc sĩ: 3); Ngôn ngữ Hàn Quốc (Tiến sĩ: 1; Thạc sĩ: 3).  
 b) Nuôi trồng thủy sản (Tiến sĩ: 1; Thạc sĩ: 3); Quản lý nguồn lợi thủy sản (Tiến sĩ: 1; Thạc sĩ: 3)  
 c) Khoa học máy tính (Tiến sĩ: 1); Công nghệ thông tin (Tiến sĩ: 1; Thạc sĩ: 2).  
 d) Khoa học môi trường (Tiến sĩ: 1; Thạc sĩ: 3); Kiểm soát và bảo vệ môi trường (Tiến sĩ: 1; Thạc sĩ: 3).  
 đ) Quản lý văn hóa (Tiến sĩ: 1).  
 e) Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống: 3 tiến sĩ và 4 thạc sĩ.  
 - Điểm c khoản 1 Điều 3: c) Người có bằng thạc sĩ đào tạo tại nước ngoài thuộc danh mục các mã ngành đào tạo của trường Đại học Hạ Long giai đoạn 2015-2017 nêu tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này, có thời gian giảng dạy từ đủ 5 năm trở lên tại trường đại học hoặc tương đương, tại thời điểm thực hiện thu hút không quá 40 tuổi.

### LĨNH VỰC NGOẠI VỤ

- Điều 7: Xử lý vi phạm

1. Trường hợp đơn vị không báo cáo, báo cáo không trung thực (không đúng đối tượng sử dụng thẻ, sử dụng thẻ không đúng mục đích) theo Khoản 2, Điều 5 quy chế này hoặc bị phát hiện kê khai không chính xác, không hợp pháp các thông tin trong thành phần hồ sơ vi phạm khoản 1

7	Quyết định	1545/2017/QĐ-UBND ngày 16/5/2017 về việc Ban hành Quy chế xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh	Được bãi bỏ tại Quyết định số 4575/2017/QĐ-UBND ngày 23/11/2017	30/11/2017
---	------------	--	---	------------





Điều 5 quy chế này, thì Sở Ngoại vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thông báo thẻ đã cấp cho cá nhân của đơn vị không còn giá trị sử dụng và sẽ không tiếp nhận hồ sơ để xem xét cấp lại thẻ ABTC trong vòng 12 tháng kể từ ngày thẻ được thông báo không còn giá trị sử dụng. Đồng thời chuyển cho các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cả nhân vi phạm pháp luật đang trong quá trình bị cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử lý; đang phải chấp hành hình phạt, đã chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang có nghĩa vụ thi hành bản án dân sự, kinh tế, lao động hoặc đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì Sở Ngoại vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thông báo thẻ đã cấp cho cá nhân không còn giá trị sử dụng.

### LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI

8	Quyết định	4088/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 về việc ban hành Quy định tạm thời về quản lý hoạt động tàu du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long	- Điều 32. Sở Giao thông vận tải: 1. Kiểm tra, giám sát các quy định về an toàn, kỹ thuật đối với tàu du lịch, cảng, bến, khu vực neo đậu, luồng tuyến thủy nội địa và các công trình khác có liên quan; cấp phép hoạt động, công bố cảng bến, điểm	Bãi bỏ tại Quyết định số 110/2017/QĐ-UBND ngày 10/01/2017	20/01/2017



neo đậu, tuyên, lường... theo quy định của pháp luật và Bản Quy định này.

2. Chi đạo Cảng vụ đường thủy nội địa thực hiện quản lý cấp phép rời cảng, bến theo quy định của pháp luật và các quy định của bản Quy định này.

3. Cấp giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ an toàn giao thông cho nhân viên phục vụ trên tàu du lịch.

4. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục đội ngũ thuyền viên chấp hành các quy định của Nhà nước về giao thông đường thủy và các quy định về hoạt động phục vụ vận chuyên khách du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long.

5. Chủ trì việc tổ chức phân loại tàu du lịch hàng năm.

6. Là cơ quan thường trực của Ủy ban nhân dân Tỉnh, chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện; đề xuất các biện pháp giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện bản Quy định này.

- Điều 33. Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long: 1. Quản lý nhà nước trên địa bàn về toàn bộ hoạt động dịch vụ và vận chuyên khách du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long trừ các nội dung quản lý thuộc trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải theo Luật và Thông tư hiện hành.

2. Quản lý và chuẩn bị các điều kiện đảm bảo yêu cầu về an toàn, thuận tiện cho khách và tàu du lịch ra, vào các điểm



tham quan, điểm neo đậu trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long.

3. Thực hiện bảo vệ cảnh quan, bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long.


4. Duy trì hoạt động 24/24h của hệ thống thông tin (VHF) liên lạc với các tàu du lịch trên kênh thường trực của Cảng vụ đường thủy nội địa Quảng Ninh (kênh 1 hoặc kênh 3).

5. Là cơ quan thường trực cứu hộ, cứu nạn; chủ động phối hợp với các ngành, địa phương liên quan giải quyết các sự cố xảy ra trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long. Bố trí phương tiện để phục vụ nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn và cứu hộ.

6. Tổ chức thu gom rác tại các điểm tham quan, điểm neo đậu và vùng nước được giao quản lý theo quy định.

7. Chủ trì xây dựng quy định quản lý đối với điểm dịch vụ, loại hình dịch vụ phục vụ khách du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long.

8. Tổ chức và phối hợp với các ngành và địa phương liên quan quản lý, kiểm tra, phát hiện và xử lý theo quy định đối với các hành vi vi phạm về vệ tham quan vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long, các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, cảnh quan vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long quy định tại Quy chế quản lý vịnh Hạ Long ban hành kèm theo quyết định số 498/2007/QĐ-UBND ngày 07/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

9	 <p>1069/2016/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định tạm thời về quản lý hoạt động tàu du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long ban hành kèm theo Quyết định số 4088/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh</p>	<p>- Khoản 22 Điều 1: “Chú trì việc tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng tàu du lịch hàng năm phải công khai, minh mạch, khách quan và chính xác.”</p>	<p>Bãi bỏ tại Quyết định số 110/2017/QĐ-UBND ngày 10/01/2017</p>	20/01/2017
---	---	---	--	------------

**LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

10	<p>Quyết định</p> <p>1978/2015/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Quảng Ninh</p>	<p>- Khoản 1, Điều 1: Sở Tư pháp Quảng Ninh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý vi phạm quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; chứng thực; nuôi con nuôi; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; bán đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>- điểm a, b, c, d, e, g Khoản 8, Điều 2: a) Hướng dẫn, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và cải cách thủ tục hành chính; tổ chức thực</p>	<p>Được sửa đổi tại Quyết định số 662/2017/QĐ-UBND ngày 08/03/2017</p>	20/03/2017
----	---	--	--	------------




hiện việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

Đ) Cho ý kiến, thẩm định về thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Đơn đốc các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc thông kê các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ; kiểm soát chất lượng và nhập dữ liệu thủ tục hành chính, văn bản liên quan đã được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; tạo đường kết nối giữa trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;

đ) Tổ chức tiếp nhận, nghiên cứu và đề xuất việc phân công xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; theo dõi, đôn đốc việc xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác có liên quan;

đ) Tổ chức nghiên cứu, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các sáng kiến cải cách

		 <p>thủ tục hành chính và quy định có liên quan; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;</p> <p>e) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp Xã;</p> <p>g) Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thiết lập hệ thống công chức đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo chế độ kiểm nhiệm tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và đơn vị liên quan ở địa phương;</p> <p>- Điểm a, Khoản 2, Điều 3: a) Các tổ chức tham mưu giúp việc gồm: Văn phòng, Thanh tra và các phòng chuyên môn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng Văn bản và theo dõi thi hành pháp luật</li> <li>- Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính</li> <li>- Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật</li> <li>- Phòng Hành chính tư pháp</li> <li>- Phòng Bổ trợ tư pháp</li> </ul>		
--	--	--	--	--

## II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN

Không có

**BẢNG VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2017**



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>					
Không có					
<b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>					
Không có					